

Càng Long, ngày 13 tháng 02 năm 2018

Số: 113/2018/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 169/2018/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 01 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: anh Trần Thanh G, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp K, xã Tân Khánh T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Chị Trần Thị V**, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 55, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 02 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Thanh G với chị Trần Thị V

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Trần Thanh G với chị Trần Thị V.

- **Về con chung:** có 01 người tên Trần Thị Ngọc M, sinh ngày 09/5/2012, hiện đang sống với chị V. Hai bên tự nguyện thỏa thuận quyền nuôi con như sau:

Chị Trần Thị V được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Trần Thị Ngọc M, sinh ngày 09/5/2012 .

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung,

không ai được quyền ngăn cản.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Chị V chưa đặt ra yêu cầu giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

- **Về tài sản chung:** Hai bên không yêu cầu giải quyết về tài sản nên không xem xét, giải quyết.

- **Về nợ chung phải thu, phải trả:** không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- **Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** anh Trần Thanh G tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí. Chị Trần Thị V không phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), anh Trần Thanh G đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015/0014472, ngày 12/01/2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu được trừ vào số tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm mà anh G phải nộp, anh G được nhận lại tiền tạm ứng án phí chênh lệch.

3/.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Nhung